

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-PT
Ngày: 12/02/2020
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản, nợ hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân

Các Thẩm phán: 1/ Bà Bùi Thị Cẩm Thúy

2/ Ông Trương Hoài Bình

- Thư ký phiên tòa: Cô Trần Thị Kim Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 12 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2019/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 351/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Th, sinh năm 1961. Có mặt

Địa chỉ cư trú: phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Diễm E (Phan Thị D), sinh năm 1972. Có mặt

Địa chỉ cư trú: phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trần Đình K - Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Phan Thị Diễm E

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Th trình bày:

Từ năm 2011 - 2015, bà làm chủ hội, bà Phan Thị Diễm E (Phan Thị D) là hàng xóm với bà nên xin góp hội để lấy vốn làm ăn, đầu tư vào đất đai mua đất cất nhà, ngoài góp hội bà Diễm E có hỏi vay thêm tiền của bà 50.000.000 đồng vào ngày 15/9/2013, lãi suất theo thỏa thuận là 4%/tháng, bà Diễm E phải trả cho bà mỗi tháng 2.000.000 đồng, nhưng từ khi vay đến nay chỉ trả được 1.000.000đồng tiền lãi; còn tiền hội thì cũng không đóng. Cụ thể bà Diễm E tham gia các dây hội sau:

1/ Dây thứ nhất: Hội tháng 3.000.000đồng mở ngày 30 hàng tháng, bắt đầu từ 30/2/2012 và kết thúc vào ngày 30/8/2012, hội có 31 phần, bà Diễm E tham gia 03 phần. Bà Diễm E hốt 03 phần hội trên vào các ngày:

Phần 1: Ngày 05/3/2012 hốt được 67.500.000đồng;

Phần 2: Ngày 05/5/2012 hốt được 64.140.000đồng;

Phần 3: Ngày 05/10/2012 hốt được 74.700.000đồng.

Sau khi hốt hội, bà Diễm E góp hội chết đến 30/02/2013 thì ngưng, còn nợ lại 16 lần góp hội chết với tổng số tiền 144.000.000đồng (16 tháng x 9.000.000đồng).

2/ Dây thứ hai: Hội tháng 3.000.000 đồng mở ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ 15/8/2012 và kết thúc vào ngày 05/11/2014, hội có 28 phần, bà Diễm E tham gia 04 phần. Bà Diễm E hốt 04 phần hội trên vào các ngày

Phần 1: Ngày 10/8/2012 hốt được 60.600.000đồng;

Phần 2: Ngày 10/5/2013 hốt được 70.150.000đồng;

Phần 3: Ngày 10/5/2013 hốt được 68.700.000đồng;

Phần 4: Ngày 10/8/2012 hốt được 57.900.000đồng.

Sau khi hốt hội bà Diễm E góp hội chết được 112.740.000đồng, còn nợ lại 204.000.000đồng.

3/ Hội 3.000.000 đồng – mở ngày 25 hàng tháng (18 người tham gia, gồm 36 phần). Bà Diễm E tham gia 03 phần:

Phần 1: Ngày 30/10/2012 hốt được 70.950.000đồng;

Phần 2: Ngày 30/12/2012 hốt được 75.450.000đồng;

Phần 3: Ngày 30/02/2012 hốt được 78.700.000đồng.

Sau khi hốt hụi bà Diễm E góp hụi chết đến ngày 25/7/2013 với số tiền 75.530.000đồng; Từ ngày 25/8/2013 đến ngày 25/9/2015 chưa góp nên còn nợ lại 234.000.000 đồng (26 tháng x 9.000.000đồng).

4/ Hụi 2.000.000đồng/tháng – mở ngày 10 hàng tháng (18 người tham gia, gồm 36 phần). Từ ngày 10/3/2011 đến hết ngày 10/02/2014.

Bà Diễm E tham gia 03 phần:

Phần 1: Ngày 15/8/2011 hốt được 52.500.000đồng;

Phần 2: Ngày 15/10/2011 hốt được 52.200.000đồng;

Phần 3: Ngày 15/3/2013 hốt được 61.800.000đồng.

Đã góp hụi chết đến ngày 10/01/2013 với số tiền 114.590.000 đồng; Từ ngày 10/02/2013 – 10/02/2014 chưa góp nên còn nợ lại 54.000.000đồng (09 tháng x 6.000.000đồng).

5/ Hụi 2.000.000 đồng/tháng – mở ngày 15 hàng tháng (20 người tham gia, gồm 36 phần). Từ ngày 15/6/2011 đến hết ngày 15/6/2014.

Bà Diễm E tham gia 03 phần:

Phần 1: Ngày 20/12/2011 hốt được 48.700.000đồng;

Phần 2: Ngày 20/01/2012 hốt được 49.960.000đồng;

Phần 3: Ngày 20/11/2011 hốt được 49.500.000đồng.

Góp hụi chết đến này 15/02/2013 với số tiền 129.300.000đồng. Từ ngày 15/3/2013 – 15/02/2014 chưa góp nên còn nợ lại 66.000.000đồng (11 tháng x 6.000.000đồng).

6/ Hụi 2.000.000đồng/tháng – mở ngày 30 hàng tháng (13 người tham gia, gồm 33 phần). Từ ngày 30/10/2012 đến hết ngày 30/6/2015.

Bà Diễm E tham gia 03 phần:

Phần 1: Ngày 05/11/2012 hốt được 45.400.000đồng;

Phần 2: Ngày 05/12/2012 hốt được 44.400.000đồng;

Phần 3: Ngày 05/03/2013 hốt được 47.600.000đồng.

Góp hụi chết đến này 30/02/2013 với số tiền 24.340.000đồng. Từ ngày 30/3/2013 – 30/6/2015 chưa góp nên còn nợ lại 156.000.000đồng (26 tháng x 6.000.000đồng).

7/ Hụi 2.000.000đồng/tháng – mở ngày 15 hàng tháng (20 người tham gia, gồm 30 phần). Từ ngày 15/9/2011 đến hết ngày 15/02/2014.

Bà Diễm E tham gia 03 phần:

Phần 1: Ngày 20/12/2011 hốt được 38.540.000đồng;

Phần 2: Ngày 20/11/2012 hốt được 48.700.000đồng;

Phần 3: Ngày 20/01/2012 hốt được 39.500.000đồng.

Góp hụi chết đến ngày 15/02/2013 được 66.640.000 đồng. Từ ngày 15/3/2013 – 15/02/2014 chưa góp nên còn nợ lại 72.000.000 đồng (12 tháng x 6.000.000 đồng).

8/ Hụi 1.000.000 đồng/tháng – mở ngày 05 hàng tháng (16 người tham gia, gồm 32 phần). Từ ngày 05/3/2011 đến hết ngày 05/10/2013.

Bà Diễm E tham gia 02 phần:

Phần 1: Ngày 08/9/2011 hốt được 24.250.000 đồng;

Phần 2: Ngày 08/12/2011 hốt được 23.900.000 đồng.

Góp hụi chết đến ngày 05/4/2013 được 44.000.000 đồng. Từ ngày 05/5/2013 – 05/10/2013 chưa góp nên còn nợ lại 12.000.000 đồng.

9/ Hụi 1.000.000 đồng mỗi tháng góp mở 02 lần, vào ngày 05 và 20 hàng tháng, hụi có 19 người tham gia, gồm 42 phần. Từ ngày 20/9/2012 đến hết ngày 05/10/2014.

Bà Diễm E tham gia 04 phần:

Phần 1: Ngày 08/10/2012 hốt được 30.500.000 đồng;

Phần 2: Ngày 23/12/2012 hốt được 31.750.000 đồng;

Phần 3: Ngày 08/7/2013 hốt được 37.860.000 đồng;

Phần 4: Ngày 23/10/2013 hốt được 37.650.000 đồng;

Góp hụi chết đến ngày 15/8/2013 được 64.310.000 đồng. Từ ngày 05/4/2013 – 05/6/2014 chưa góp nên còn nợ lại 89.335.000 đồng.

Tổng cộng 09 dây hụi trên, bà Diễm E còn nợ là 1.031.335.000 đồng và nợ số tiền vay là 50.000.000 đồng.

Bà yêu cầu tính lãi trên các khoản tiền cụ thể như sau:

1/ Tiền nợ hụi:

- Số tiền 234.000.000 đồng (kể từ ngày 25/9/2015 - 30/9/2018 = 02 năm 11 tháng 05 ngày (35 tháng 05 ngày).

$7,2\%/năm = 0,6\%/tháng = 234.000.000 \text{ đồng} = 1.404.000 \text{ đồng} \times 35 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} = 49.374.000 \text{ đồng};$

- Số tiền 797.335.000 đồng (kể từ ngày 05/6/2015 - 30/9/2018 = 04 năm 02 tháng 05 ngày (50 tháng 05 ngày).

$797.335.000 \text{ đồng} \times 0,6\%/tháng = 4.785.010 \text{ đồng} \times 50 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} = 239.917.835 \text{ đồng}.$

2/ Tiền vay: 50.000.000 đồng (tính từ ngày 15/9/2013 – 30/9/2018 = 04 năm 11 tháng 15 ngày (59 tháng 15 ngày).

$50.000.000 \text{ đồng} \times 0,6\%/tháng = 300.000 \text{ đồng} \times 59 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 18.150.000 \text{ đồng}.$

Từ ngày bà Diễm E hót hụi và mượn tiền để xây nhà và đầu tư vào đất đai đến nay đã hơn 04 năm mà không trả tiền, nên bà phải mượn tiền với lãi suất cao để đóng hụi cho bà Diễm E. Bà Diễm E nhiều lần hứa hẹn nhưng không trả nợ, nay yêu cầu bà Phan Thị Diễm E phải trả tiền nợ hụi là 1.031.335.000đồng và số tiền mượn là 50.000.000đồng (Tổng cộng số nợ gốc và lãi là 1.381.419.375đồng).

Theo bản tự khai ngày 28/6/2019, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thị Diễm E (Phan Thị D) trình bày:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2018 của bà Phan Thị Th, thì bà phải trả tổng cộng 1.381.419.375đồng cả tiền gốc lẫn tiền lãi là không đúng, bà không đồng ý. Bà thừa nhận có tham gia nhiều dây hụi, do bà Th làm chủ hụi trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2013.

Số tiền hụi bà nợ bà Th là 303.000.000đồng. Đây là tiền hụi chết và chính bà Th tổng kết trực tiếp với bà vào ngày 15/9/2013. Bà là người không biết chữ (chỉ biết ký tên và viết được họ tên), nên giữa bà và bà Th không lập thành văn bản tổng kết nợ, nhưng bà Th yêu cầu bà phải ký mượn nợ 50.000.000đồng vào ngày 15/9/2013. Thực tế đây không phải là tiền mượn mà là tiền lãi của số nợ hụi 303.000.000đồng, nên bà không nhận được số tiền 50.000.000đồng này.

Sau ngày 15/9/2013, bà Th tiếp tục tính lãi đối với số tiền 50.000.000đồng, mỗi tháng là 5.000.000đồng và bà đã trả được 5 tháng lãi là 25.000.000đồng.

Bà chỉ tiền còn nợ hụi của bà Th là 353.000.000đồng, trong đó nợ hụi chết là 303.000.000đồng và tiền lãi là 50.000.000đồng, đã trả 25.000.000đồng. Nên số tiền nợ hiện tại là 328.000.000đồng và bà sẽ trả cho bà Th mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi tắt nợ và không tính lãi vì đây là hụi chết.

Tại Bản án số 70/2019/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận N, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Phan Thị Diễm E (Phan Thị D) trả cho bà Phan Thị Th tổng số tiền 1.406.725.300đồng (Trong đó: Nợ gốc là 1.075.250.000đồng, nợ lãi là 331.475.300đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn phải nộp 54.202.000 đồng.

Về tạm ứng án phí: Nguyên đơn được nhận lại 26.721.500đồng theo Biên lai thu số AA/2016/000608 ngày 26/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm, ngày 30/8/2019, bị đơn có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại Bản án sơ thẩm với lý do:

Sau khi hốt hội bị đơn có góp hội chết nhưng nguyên đơn không viết biên nhận và cũng không hủy bỏ biên nhận nợ cho bị đơn. Số tiền hội hiện chỉ còn nợ 303.000.000đồng.

Số tiền vay đã trả được 25.000.000đồng, chỉ còn nợ lại 25.000.000đồng.

Hội có lãi nên trong số tiền hội chết đã có tính lãi, Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi trên nợ hội là lãi chồng lên lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn – luật sư Trần Đình Kh phát biểu:

Bị đơn thừa nhận có tham gia 09 dây hội do nguyên đơn làm chủ, với số phần hội tham gia của từng dây, thời gian hốt hội đúng như nguyên đơn đã trình bày; tuy nhiên, Bản án sơ thẩm xác định các dây hội này là hội không có lãi là chưa chính xác. Số tiền hội chết bị đơn chưa đóng đã có tiền lãi nên tiếp tục tính lãi theo án sơ thẩm là chưa đúng.

Bị đơn là người không biết chữ, chỉ biết ký tên; toàn bộ nội dung theo các biên nhận nợ là do nguyên đơn viết. Các biên nhận đều thể hiện nợ mượn nên có cơ sở để xác định các bên đã chuyển từ nợ hội sang nợ mượn. Tính từ thời điểm làm biên nhận đến khi khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện về nợ mượn nên đề nghị không tính lãi.

Nguyên đơn đã thừa nhận trong 06 biên nhận nợ mà bị đơn ký là có sự tổng hợp nợ của dây hội này với dây hội khác cho thấy sau khi hốt hội bị đơn có hốt hội chết cho nguyên đơn, sau thời gian góp hội có làm biên nhận để kết nợ nhưng vì thiếu hiểu biết nên không lấy lại các biên nhận đã ký trước đó vì vậy đề nghị xác định số nợ bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn theo biên nhận sau cùng là biên nhận ngày 30/02/2014 với số tiền 583.000.000đồng.

Đối với số tiền vay cũng đã hết thời hiệu khởi kiện về nợ vay nên yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện để không tính lãi.

Hoàn cảnh bị đơn hết sức khó khăn nên xin được xét giảm tiền án phí theo giá ngạch.

- Bị đơn thống nhất với phần phát biểu của luật sư. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận chuyển nợ hội thành nợ mượn, số tiền 50.000.000đồng theo biên nhận ngày 15/9/2013 không phải là nợ vay mà là tiền lãi hội nên yêu cầu xem xét lại.

- Nguyên đơn trình bày: Sau thời gian không đòi được tiền hui của bị đơn, bị đơn có ký với nguyên đơn 06 biên nhận nợ hui gồm:

- Biên nhận mượn tiền ngày 15/11/2013 là 78.055.000đồng;
- Biên nhận giao mượn tiền ngày 10/11/2013 là 55.015.000đồng;
- Biên nhận mượn tiền ngày 05/6/2013 là 143.180.000 đồng;
- Biên nhận cho mượn tiền ngày 30/02/2014 là 583.000.000đồng;
- Biên nhận mượn tiền ngày 27/01/2014 là 94.000.000đồng;
- Biên nhận mượn tiền ngày 20/12/2013 là 72.000.000đồng.

Giữa bị đơn với nguyên đơn không có sự thỏa thuận chuyển nợ hui thành nợ vay. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay 50.000.000đồng và tiền hui theo các biên nhận nêu trên. Thời gian tính lãi và mức lãi suất nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu như đã trình bày trong đơn khởi kiện. Đối với phần trình bày của phía bị đơn về việc hui có lãi nên đề nghị không tính lãi nguyên đơn không đồng ý, bởi vì phần lãi hui do người tham gia góp hui hưởng, nguyên đơn là chủ hui chỉ được hưởng huê hồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung giải quyết vụ án:

Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn đều thừa nhận có ký tên vào các biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp. Bị đơn và nguyên đơn đều xác định không có thỏa thuận chuyển nợ hui thành nợ vay. Bị đơn không chứng minh được số tiền 50.000.000đồng theo biên nhận ngày 15/9/2013 là tiền lãi hui, cũng như không chứng minh được sau khi hốt hui bị đơn đã có góp chết cho nguyên đơn nên trình bày của bị đơn chưa đủ cơ sở xem xét.

Biên nhận ngày 15/9/2013 không ghi thời hạn trả nợ, không ghi nhận có thỏa thuận tiền lãi nên không có cơ sở để xác định hết thời hiệu khởi kiện đòi nợ vay. Thời hạn tính lãi được xác định từ khi có phát sinh tranh chấp đó là ngày nguyên đơn có đơn khởi kiện. Tòa cấp sơ thẩm tính lãi từ khi lập biên nhận nợ là chưa phù hợp.

Thời gian tính lãi và mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là phù hợp, có lợi cho bị đơn nên có cơ sở để xem xét.

Bị đơn có đơn xin miễn giảm án phí do hoàn cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận giảm cho bị đơn một phần án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm đối với phần tiền lãi và phần án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Phan Thị Th khởi kiện bị đơn bà Phan Thị Diễm E (Phan Thị D) yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền hui và tiền vay, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và xét xử theo quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui” là có căn cứ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại Bản án sơ thẩm. Xét thấy:

[2] Đối với số tiền hui:

[2.1] Qua lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện bị đơn có tham gia 09 dây hui do nguyên đơn là chủ; việc lĩnh hui và góp hui của các thành viên đều được nguyên đơn lập sổ theo từng dây hui. Bị đơn thừa nhận đều đã lĩnh hui trước khi các dây hui kết thúc, bị đơn góp hui chết được một thời gian thì có ký với nguyên đơn 06 biên nhận nợ gồm:

- Biên nhận mượn tiền ngày 05/6/2013 là 143.180.000đồng;
- Biên nhận giao mượn tiền ngày 10/11/2013 là 55.015.000đồng;
- Biên nhận mượn tiền ngày 15/11/2013 là 78.055.000đồng;
- Biên nhận mượn tiền ngày 20/12/2013 là 72.000.000đồng.
- Biên nhận mượn tiền ngày 27/01/2014 là 94.000.000đồng;
- Biên nhận cho mượn tiền ngày 30/02/2014 là 583.000.000đồng;

Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng, sau khi lập các biên nhận trên bị đơn vẫn tiếp tục góp hui chết cho nguyên đơn nhưng vì thiếu hiểu biết nên không lấy lại biên nhận nợ, phần trình bày này không được nguyên đơn thừa nhận và phía bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền nợ hui theo các biên nhận trên với tổng số tiền 1.025.250.000đồng (một tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) là có căn cứ.

[2.2] Bị đơn kháng cáo cho rằng trong nợ hui đã có tiền lãi nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi trên tiền nợ hui là chưa đúng. Thấy rằng, theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hui, họ, biêu, phường thì “Trong trường hợp thành viên không góp phần họ, chủ họ đã góp các phần họ thay cho thành viên đó thì thành viên phải trả cho chủ họ các phần họ chậm trả và khoản lãi đối với các phần họ chậm trả. Mức lãi do các bên thỏa thuận, nếu không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được thì áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả các phần họ”. Vì vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi trên số tiền nợ hui khi nguyên đơn có yêu cầu là phù hợp.

[2.3] Theo quyết định số 2868 ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm. Đồng thời, các dây hui bị đơn tham gia đều có thời gian kết thúc vào năm 2014. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,6%/tháng (7,2%/năm) với thời gian tính lãi bắt đầu từ tháng 6/2015 là hoàn toàn có lợi cho bị đơn. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số tiền 234.000.000đồng từ 25/9/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (20/8/2019) là 47 tháng 25 ngày (1.435 ngày) và tính lãi trên số tiền 791.250.000đồng từ ngày 05/6/2015 đến nay xét xử sơ thẩm (20/8/2019) là 50 tháng 15 ngày (1.515 ngày) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định thời gian tính lãi đối với hai khoản tiền trên là 1.426 ngày và 1.538 ngày là chưa chính xác. Cần điều chỉnh lại cho đúng, cụ thể tiền lãi được tính như sau:

- $234.000.000\text{đồng} \times 0,6\%/tháng \times 47\text{tháng} \times (25/30)\text{tháng} = 67.158.000\text{đồng}.$

- $791.250.000\text{đồng} \times 0,6\%/tháng \times 50\text{tháng} \times (15/30)\text{tháng} = 239.748.750\text{đồng}.$

Tổng cộng tiền lãi hui: $67.158.000\text{đồng} + 239.748.750\text{đồng} = 306.906.750\text{đồng}.$

[3] Đối với số tiền vay:

[3.1] Bị đơn thừa nhận chữ ký trong biên nhận nợ ngày 15/9/2013 là của bị đơn, tuy nhiên bị đơn cho rằng bị đơn đã trả được 25.000.000đồng, hiện chỉ còn nợ lại 25.000.000đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả nợ cho nguyên đơn nên không có cơ sở xem xét.

[3.2] Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng tính từ thời điểm ký nhận nợ đến khi khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vay tài sản nên đề nghị không tính lãi, thấy rằng: Biên nhận ngày 15/9/2013 chỉ thể hiện nội dung nguyên đơn cho bị đơn mượn số tiền 50.000.000đồng, không ghi nhận thời hạn trả nợ vì vậy theo quy định tại Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005 nguyên đơn có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của phía bị đơn về việc không tính lãi do đã hết thời hiệu khởi kiện.

[3.3] Tuy nhiên việc Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi trên số tiền vay từ ngày 15/9/2013 là chưa đúng bởi lẽ biên nhận ngày 15/9/2013 không thể hiện các bên có thỏa thuận về tiền lãi, Khoản 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005 quy định: Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ, nếu có thỏa thuận. Do biên nhận không ghi nhận thời gian trả nợ nên xác định ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là ngày nguyên đơn có đơn khởi kiện (21/11/2018) để làm cơ sở tính lãi theo yêu cầu của nguyên đơn, thời gian tính lãi tính từ 21/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (20/8/2019) là 9 tháng, với mức lãi suất 0,6%/tháng, cụ thể:

50.000.000đồng x 0,6%/tháng x 9 tháng = 2.700.000đồng.

[4] Như vậy: Bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn: Tổng số tiền hui là 1.332.156.750đồng (trong đó có 1.025.250.000đồng vốn và 306.906.750đồng lãi) và tổng số tiền vay là 52.700.000đồng (trong đó có 50.000.000đồng vốn và 2.700.000đồng tiền lãi).

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xin được giảm án phí dân sự theo giá ngạch và có xuất trình đơn xin miễn giảm được chính quyền địa phương xác nhận hoàn cảnh gia đình bị đơn hiện rất khó khăn. Xét thấy, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện bị đơn đang phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho một đương sự khác theo quyết định số 05/2014/QĐCNSTT-DS ngày 07/02/2014 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ với số tiền 891.000.000đồng. Trong thời gian thi hành theo quyết định này thì tháng 02/2019 chồng của bị đơn là ông Nguyễn Hoàng Lâm chết do bệnh xơ gan (theo trích lục khai tử số 14/TLKT ngày 12/02/2019 của Ủy ban nhân dân phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Hiện bị đơn không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn là có thật nên xét giảm cho bị đơn 20% số tiền án phí phải nộp theo giá ngạch.

Từ những phân tích trên, có cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị sửa án sơ thẩm đối với phần tiền lãi và phần án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với đánh giá của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 474; Điều 477; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Diễm E (Phan Thị D). Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 70/2019/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nợ hui” giữa nguyên đơn bà Phan Thị Th với bị đơn bà Phan Thị Diễm E (Phan Thị D).

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bị đơn bà Phan Thị Diễm E (Phan Thị D) trả cho bà Phan Thị Th:

- Tiền hui 1.332.156.750đồng (trong đó có 1.025.250.000đồng vốn và 306.906.750đồng lãi);

- Tiền vay 52.700.000đồng (trong đó có 50.000.000đồng vốn và 2.700.000đồng tiền lãi).

Kể từ ngày nguyên đơn bà Phan Thị Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bà Phan Thị Diễm E (Phan Thị D) chậm thi hành thì bị đơn còn phải chịu trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian bị đơn chậm thi hành án.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 42.836.000đồng (đã xét giảm 20% và làm tròn số). Nguyên đơn được nhận lại 26.721.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/000608 ngày 26/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ.

3/ Án phí dân sự phúc thẩm: không ai phải chịu. Bị đơn được nhận lại 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 001706 ngày 03/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự
- VKSND-TPCT;
- TAND quận N;
- Chi cục THA.DS Q. N;
- Lưu (2b).

(đã ký)

Huỳnh Thị Bích Vân